

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmök và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đoan T, sinh năm 1993 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Bùi Đăng V, sinh năm 1989 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T trình bày có nội dung: Chị và anh Bùi Đăng V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/6/2012. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau. Dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện mâu thuẫn giữa chị và anh V không thể hàn gắn được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung, chị và anh V có 01 người con chung là cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 14/4/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Bùi Đăng V có đóng dấu treo của Trại giam Đ do Toà án nhân dân huyện Cư M'gar trả kết quả uỷ thác tư pháp, anh V trình bày có nội dung: Anh và chị Lê Thị Đoan T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian thì đến năm 2018 giữa hai vợ chồng anh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau, dần dần hai người không còn tình cảm với nhau, hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V thì anh đồng ý.

Về con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2023, ghi nhận ý kiến của cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 14/4/2013 như sau: Nguyên vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ là chị Lê Thị Đoan T.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T và bị đơn anh Bùi Đăng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/6/2012. Sau khi kết hôn chị T và anh V sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên

cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V có xảy ra mâu thuẫn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có yêu cầu giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Do đó việc giải quyết cho chị T ly hôn anh V là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh V có 01 người con chung là Bùi Bảo A, sinh ngày 14/4/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả cháu Bùi Bảo A cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh V hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Hiện con chung đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh V đồng ý giao con chung là cháu Bùi Bảo A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của chị T là phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của anh V và cháu Bùi Bảo A. Do đó, giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 14/4/2013 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Chị T chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đoan T được ly hôn với anh Bùi Đăng V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 14/4/2013 cho chị Lê Thị Đoan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Bùi Đăng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Đoan T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018885 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh